|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC VI** | **PHỤ LỤC VI** |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG HẠNG GCNKNCM** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* | **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG HẠNG GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHÌ** *(Ban hành kèm theo Thông tư số …./2024/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG HẠNG GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHÌ** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Tên nghề: Thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Số lượng môn học, mô đun đào tạo:** 08. |  | Đưa xuống phần II |
|  | **Đối tượng tuyển sinh:** Theo thông tư số 40/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH | Bổ sung quy định về đối tượng tuyển sinh theo các văm bản QPPL hiện hành |
| **GCN cấp sau tốt nghiệp:** GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì | **GCN cấp sau tốt nghiệp:** GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì |  |
| I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO |  |
| 1. Kiến thức | 1. Kiến thức |  |
| Áp dụng và nắm vững pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, hiểu biết về pháp luật hàng hải; biết được các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; nắm vững sơ đồ và nguyên lý hoạt động của một số trang thiết bị thông tin vô tuyến ở trên tàu; nắm vững kỹ thuật điều động tàu tự hành, phà và các loại đoàn lai dắt; biết giải quyết các tranh chấp hợp đồng vận chuyển và các sự cố thương vụ; nắm vững mạng lưới sông, kênh và đặc điểm các sông chính ở khu vực (Bắc hoặc Nam); thuộc các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở khu vực (Bắc hoặc Nam). | Áp dụng và nắm vững pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, về pháp luật hàng hải; trình bày được các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; nắm vững sơ đồ và nguyên lý hoạt động của một số trang thiết bị thông tin vô tuyến ở trên tàu; nắm vững kỹ thuật điều động tàu tự hành, phà và các loại đoàn lai dắt; trình bày được giải quyết các tranh chấp hợp đồng vận chuyển và các sự cố thương vụ; nắm vững mạng lưới sông, kênh và đặc điểm các sông chính ở khu vực (Bắc hoặc Nam); thuộc các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở khu vực (Bắc hoặc Nam). |  |
| 2. Kỹ năng | 2. Kỹ năng |  |
| Sử dụng thành thạo các thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác tàu, công tác tìm kiếm, cứu nạn; thực hiện đầy đủ các công việc liên quan đến hợp đồng vận tải, giải quyết linh hoạt các tranh chấp hợp đồng vận chuyển và các sự cố thương vụ; thành thạo kỹ thuật điều động tàu tự hành, phà và các loại đoàn lai dắt một cách thành thạo, chuẩn xác và an toàn khi hành trình, ra vào bến, neo đậu. | Sử dụng thành thạo các thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác tàu, công tác tìm kiếm, cứu nạn; thực hiện đầy đủ các công việc liên quan đến hợp đồng vận tải, giải quyết linh hoạt các tranh chấp hợp đồng vận chuyển và các sự cố thương vụ; thành thạo kỹ thuật điều động tàu tự hành, phà và các loại đoàn lai dắt một cách thành thạo, chuẩn xác và an toàn khi hành trình, ra vào bến, neo đậu. |  |
| 3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp | 3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm |  |
| Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. | Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. |  |
| II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | Điều chỉnh tên mục phù hợp với nội dung của mục |
| Thời gian của khóa học: 295 giờ, bao gồm: |  | Bỏ do trùng lặp |
| 1. Thời gian các hoạt động chung: 05 giờ. | 1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 07 | Đưa từ phần trên xuống cho phù hợp |
| 2. Thời gian học tập: 290 giờ, trong đó: | 2. Thời gian của khóa học: 240 giờ, bao gồm: | Giảm thời gian cho phù hợp với đối tượng đào tạo và nội dung chương trình |
| a) Thời gian thực học: 280 giờ. | a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 229 giờ |  |
| b) Thời gian ôn, thi kết thúc khóa học: 10 giờ. | b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 11 giờ |  |
| III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO | III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MH 01 | Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa | 45 | | MĐ 02 | Thông tin vô tuyến | 15 | | MĐ 03 | Điều động tàu và thực hành điều động tàu | 85 | | MH 04 | Kinh tế vận tải | 30 | | MĐ 05 | Máy tàu thủy | 15 | | MH 06 | Luồng chạy tàu thuyền | 30 | | MĐ 07 | Khí tượng thủy văn | 30 | | MH 08 | Nghiệp vụ thuyền trưởng | 30 | | **Tổng cộng** | | **280** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MH 01 | Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa | 45 | | MĐ 02 | Thông tin vô tuyến | 15 | | MĐ 03 | Điều động phương tiện | 60 | | MH 04 | Kinh tế vận tải | 30 | | MH 05 | Luồng chạy tàu thuyền | 30 | | MĐ 06 | Khí tượng thủy văn | 30 | | MH 07 | Nghiệp vụ thuyền trưởng | 30 | | **Tổng cộng** | | **240** | | MĐ 03: Sửa tên: Điều động tàu cho thống nhất với các chương trình trên; Giảm 25 giờ để bớt các nội dung trùng lặp  - Bỏ MĐ 05: Máy tàu thủy *(vì đối tượng này đã học ở hạng ba là đạt yêu cầu)* |
| IV. THI KẾT THÚC KHÓA HỌC | IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH |  |
|  | 1. Hình thức đào tạo: |  |
|  | - Lý thuyết: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến.  - Thực hành: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng thực hành trong chương trình.  - Đối với hình thức đào tạo trực tuyến, cơ sở đào tạo phải có đủ cơ sở vật chất đáp ứng và lựa chọn các nội dung phù hợp trong các môn học, mô đun. | Quy định hình thức đào tạo để các cơ sở đào tạo thực hiện, bổ sung quy định về đào tạo trực tuyến nội dung lý thuyết |
| 1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: | 2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: |  |
| Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các môn học, mô đun quy định. Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học, mô đun do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức là đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu. | - Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định.  - Điểm tổng kết các môn học, mô đun phải đạt từ 5,0 trở lên mới đủ điều kiện tham gia thi kết thúc khóa học. | Không quy định thời lượng tham gia môn học do đã có quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư 40/2019/TT-BGTVT |
| 2. Thi kết thúc khóa học: | 3. Thi kết thúc khóa học: |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Môn thi** | **Hình thức thi** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Lý thuyết chuyên môn | Vấn đáp | | 3 | Điều động tàu | Thực hành |   V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO | Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để cấp Giấy CNKNCM thuyền trưởng hạng Nhì, gồm các nội dung sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Môn thi** | **Hình thức thi** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Lý thuyết chuyên môn | Vấn đáp | | 3 | Điều động phương tiện | Thực hành | |  |
|  | 4. Hướng dẫn khác: |  |
|  | - Cơ sở đào tạo xây dựng chương trình chi tiết cho từng mô đun đảm bảo nội dung phù hợp; đảm bảo số giờ lý thuyết, số giờ thực hành và số giờ kiểm tra theo đúng quy định.  - Định kỳ hàng năm, nội dung các mô đun trong chương trình phải được rà soát và cập nhật vào chương trình chi tiết cho phù hợp với thực tế. | Quy định cụ thể trách nhiệm của cơ sở đào tạo |
| V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO |  | Bỏ việc quy định chương trình chi tiết để các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng giáo trình, tài liệu, thống nhất với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của dự thảo Thông tư. |
| 1. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  |  |
| a) Mã số: MH 01. |  |  |
| b) Thời gian: 45 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu, áp dụng đúng các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam; nắm được các chức danh và nhiệm vụ của thuyền trưởng, thuyền phó; biết được các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | --- | --- | --- | | 1 | Chương I: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện | 10 | | 1.1 | Quy tắc giao thông | | 1.2 | Tín hiệu của phương tiện giao thông đường thủy nội địa | | 1.3 | Cảng vụ và hoa tiêu đường thủy nội địa | | 2 | Chương II: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | 10 | | 2.1 | Quy định chung | | 2.2 | Những quy định của quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | | 2.3 | Các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | | 3 | Chương III: Trách nhiệm thuyền viên | 12 | | 3.1 | Trách nhiệm của các chức danh | | 3.2 | Quy định về định biên thuyền viên | | 4 | Chương IV: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa | 11 | | 4.1 | Vi phạm quy định về phương tiện thủy nội địa | | 4.2 | Vi phạm quy định về thuyền viên, người lái phương tiện | | 4.3 | Vi phạm quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện | | Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn học | | 2 | | **Tổng cộng** | | **45** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn. |  |  |
| 2. Tên mô đun: **THÔNG TIN VÔ TUYẾN** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 02. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được các khái niệm cơ bản về thông tin vô tuyến ở đường thủy; nắm được sơ đồ và nguyên lý hoạt động của một số trang thiết bị thông tin vô tuyến ở trên tàu; hiểu được cách thu, phát một bức điện trong tình huống khẩn cấp ở đường thủy. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Chương 1: Đặc điểm cơ bản của dịch vụ thông tin di động hàng hải | 2 | | 1.1 | Bài 1. Các quy định và thủ tục thông tin di động hàng hải | | 1.2 | Bài 2. Các giấy tờ liên quan đến thiết bị vô tuyến điện | | 1.3 | Bài 3. Phân loại đài trạm trong liên lạc vô tuyến điện hàng hải | | 2 | Chương 2: Các thiết bị thông tin trên tàu | 6 | | 2.1 | Bài 1. Các thiết bị thông tin chính | | 2.2 | Bài 2. Hệ thống NAVTEX | | 2.3 | Bài 3. Phao định vị vô tuyến khẩn cấp EPIRB - thiết bị EPIRB, VHF - DSC | | 2.4 | Bài 4.Thiết bị phản xạ radar phục vụ cho tìm và cứu SART | | 2.5 | Bài 5. Vùng hoạt động của tàu theo hệ thống GMDSS | | 2.6 | Bài 6. Liên lạc chọn số DSC | | 3 | Chương 3: Các phương thức thông tin liên lạc bằng DSC và thoại trên sóng mặt bằng và VHF | 4 | | 3.1 | Bài 1. Đối với tàu | | 3.2 | Bài 2. Đối với đài bờ | | 4 | Chương 4: Thủ tục thông tin thông thường | 2 | | 4.1 | Bài 1. Thủ tục gọi tắt liên lạc bằng điện thoại | | 4.2 | Bài 2. Cước phí trong nghiệp vụ thông tin lưu động hàng hải | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình vô tuyến điện, máy điện hàng hải và các tài liệu tham khảo về hàng hải đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành thông tin vô tuyến trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 3. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG TÀU VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU ĐỘNG TÀU** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 03. |  |  |
| b) Thời gian: 85 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm vững kỹ thuật điều động tàu tự hành, phà; nắm vững kỹ thuật điều động các loại đoàn lai dắt. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Chương 1: Điều động tàu tự hành | 45 | | 1.1 | Bài 1. Điều động tàu rời, cập bến | | 1.2 | Bài 2. Điều động tàu thả và thu neo | | 1.3 | Bài 3. Điều động tàu trong một số tình huống khẩn cấp | | 2 | Chương 2: Phà và điều động phà | 5 | | 2.1 | Bài 1. Khái niệm chung về phà | | 2.2 | Bài 2. Điều động phà rời, cập bến | | 2.3 | Bài 3. Điều động phà sang sông | | 3 | Chương 3: Kỹ thuật điều động đoàn lai kéo | 10 | | 3.1 | Bài 1.Điều động lai bắt dây lai, điều chỉnh dây của đoàn | | 3.2 | Bài 2. Đặc điểm hoạt động của đoàn lai kéo | | 3.3 | Bài 3. Điều động đoàn lai kéo rời, cập bến nước, gió ngược | | 4 | Chương 4: Kỹ thuật điều động đoàn lai đẩy và đoàn lai áp mạn | 20 | | 4.1 | Bài 1. Điều động đoàn lai áp mạn quay trở | | 4.2 | Bài 2. Điều khiển tàu đẩy | | 4.3 | Bài 3. Đặc điểm hoạt động của đoàn lai đẩy | | 4.4 | Bài 4. Điều động đoàn lai đẩy | | Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun | | 5 | | **Tổng cộng** | | **85** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình điều động tàu thủy và các tài liệu tham khảo về điều động tàu đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học mô phỏng và trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 4. Tên môn học: **KINH TẾ VẬN TẢI** |  |  |
| a) Mã số: MH 04. |  |  |
| b) Thời gian: 30 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm vững những đặc tính chung cơ bản của hàng hóa và phương pháp giao nhận hàng hóa; biết giải quyết các tranh chấp hợp đồng vận chuyển và các sự cố thương vụ. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm của ngành vận tải đường thủy nội địa | 1 | | 1.1 | Vị trí, vai trò | | 1.2 | Đặc điểm | | 2 | Chương II: Quy định về vận tải hàng hóa và hành khách thủy nội địa | 2 | | 2.1 | Quy định về vận tải hàng hóa | | 2.2 | Quy định về vận tải hành khách | | 3 | Chương III: Những vấn đề cơ bản về hàng hóa | 3 | | 3.1 | Đặc tính cơ bản của hàng hóa | | 3.2 | Những nhân tố ảnh hưởng tới hàng hóa | | 3.3 | Nhãn hiệu hàng hóa | | 3.4 | Đo lường và kiểm định hàng hóa | | 3.5 | Lượng giảm tự nhiên và tổn thất hàng hóa | | 4 | Chương IV: Năng suất lao động và năng suất phương tiện | 4 | | 4.1 | Khái niệm | | 4.2 | Cách tính | | 4.3 | Ý nghĩa của việc nâng cao năng suất lao động và năng suất phương tiện | | 4.4 | Biện pháp nâng cao năng suất lao động và năng suất phương tiện | | 5 | Chương V: Giá thành vận chuyển | 5 | | 5.1 | Khái niệm, ý nghĩa | | 5.2 | Ảnh hưởng của giá thành tới nền kinh tế quốc dân | | 5.3 | Cách tính giá thành vận chuyển đường thủy nội địa | | 5.4 | Biện pháp hạ giá thành vận chuyển | | 6 | Chương VI: Thương vụ vận tải đường thủy nội địa | 14 | | 6.1 | Sự cố thương vụ | | 6.2 | Hợp đồng vận chuyển và giấy vận chuyển | | 6.3 | Giao nhận hàng hóa theo mớn nước phương tiện | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | 30 |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành đo mớn nước, khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 5. Tên mô đun: **MÁY TÀU THỦY** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 05. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu:Giúp người học có khả năng nắm vững về cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ diesel cũng như một số trang thiết bị phụ trên tàu. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | --- | --- | --- | | 1 | Chương 1: Nguyên lý hoạt động của động cơ diesel | 4 | | 1.1 | Bài 1. Nguyên lý hoạt động của động cơ diesel 4 kỳ | | 1.2 | Bài 2. Nguyên lý hoạt động của động cơ diesel 2 kỳ | | 2 | Chương 2: Cấu tạo động cơ | 4 | | 2.1 | Bài 1. Phần tĩnh | | 2.2 | Bài 2. Phần động | | 3 | Chương 3: Các hệ thống của động cơ | 6 | | 3.1 | Bài 1. Hệ thống phân phối khí | | 3.2 | Bài 2. Hệ thống cung cấp nhiên liệu trên động cơ diesel | | 3.3 | Bài 3. Hệ thống bôi trơn | | 3.4 | Bài 4. Hệ thống làm mát | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu. |  |  |
| 6. Tên môn học: **LUỒNG CHẠY TÀU** |  |  |
| a) Mã số: MH 06. |  |  |
| b) Thời gian: 30 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm vững sơ đồ các hệ thống sông, kênh ở khu vực; nắm vững đặc điểm chi tiết các con sông chính ở khu vực; thuộc các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở khu vực. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | --- | --- | --- | | 1 | Chương 1: Các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính | 9 | | 1.1 | Các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở miền Bắc | | 1.2 | Các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở miền Trung | | 1.3 | Các tuyến vận tải đường thủy nội địa chính ở miền Nam | | 2 | Chương 2: Đặc điểm chi tiết các con sông chính | 20 | | 2.1 | Đặc điểm chi tiết các con sông chính ở miền Bắc | | 2.2 | Đặc điểm chi tiết các con sông chính ở miền Trung | | 2.3 | Đặc điểm chi tiết các con sông chính ở miền Nam | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **30** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình luồng chạy tàu thuyền, các bản đồ đường thủy nội địa miền Bắc, miền Trung, miền Nam và các tài liệu tham khảo về luồng lạch đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các tuyến luồng trên sa bàn, các tuyến luồng thực tế trên sơ đồ tuyến. |  |  |
| 7. Tên mô đun: **KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 07. |  |  |
| b) Thời gian: 30 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được một số điều kiện thiên nhiên và ảnh hưởng của nó đối với điều động tàu thủy; biết dự báo thời tiết thông qua quan sát các hiện tượng thiên nhiên; biết quy luật dòng chảy và tính toán thủy triều. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | --- | --- | --- | | 1 | Chương 1: Khí tượng | 10 | | 1.1 | Bài 1. Khí quyển và thành phần lớp khí quyển gần mặt đất | | 1.2 | Bài 2. Phân lớp khí quyển theo chiều thẳng đứng | | 1.3 | Bài 3. Thời tiết và các yếu tố tạo thành thời tiết | | 1.4 | Bài 4. Bão nhiệt đới | | 1.5 | Bài 5. Bão ở Việt Nam | | 2 | Chương 2: Thủy văn | 4 | | 2.1 | Bài 1. Hải lưu | | 2.2 | Bài 2. Sóng | | 2.3 | Bài 3. Khái niệm các dòng chảy | | 3 | Chương 3: Thủy triều | 15 | | 3.1 | Bài 1. Mực nước trung bình và nguyên nhân dao động mực nước biển | | 3.2 | Bài 2. Khái niệm, đặc điểm, hiện tượng và nguyên nhân gây ra thủy triều. Các chế độ thủy triều | | 3.3 | Bài 3. Bảng thủy triều và cách tra | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **30** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình khí tượng thủy văn, thủy triều và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát các hiện tượng thời tiết, thiên nhiên, các hiện tượng dòng chảy trên sông, hiện tượng thủy triều. |  |  |
| 8.Tên môn học:**NGHIỆP VỤ THUYỀN TRƯỞNG** |  |  |
| a) Mã số: MH 08. |  |  |
| b) Thời gian: 30 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu; lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ cũng như nhật ký của tàu. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | **Nhận bàn giao nhiệm vụ dưới tàu và làm quen tàu** | 6 | | 1.1 | Các hạng mục công việc bàn giao | | 1.2 | Thực hiện công việc bàn giao giữa hai thuyền trưởng | | 1.3 | Làm quen với các thành viên trên tàu | | 1.4 | Lối đi lại, lối thoát hiểm | | 1.5 | Buồng lái, buồng máy | | 1.6 | Vị trí lắp đặt trang thiết bị cứu sinh | | 1.7 | Nội quy và chế độ sinh hoạt của tàu | | 2 | **Quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu** | 6 | | 2.1 | Tổ chức sinh hoạt và phân công nhiệm vụ | | 2.2 | Quản lý danh sách thuyền viên vắng mặt trên tàu | | 2.3 | Theo dõi tình trạng sức khỏe của thuyền viên | | 2.4 | Yêu cầu bắt buộc đối với các giấy tờ pháp lý của tàu | | 2.5 | Theo dõi thời hạn bằng cấp | | 3 | **Quản lý tài sản và sổ sách của tàu** | 6 | | 3.1 | Tài sản chung của tàu | | 3.2 | Tài sản của tàu phát cho cá nhân sử dụng | | 3.3 | Thực hiện kiểm kê tài sản | | 3.4 | Quản lý, ghi chép các loại nhật ký trên tàu | | 3.5 | Làm báo cáo định kỳ công tác quản lý tài sản trên tàu | | 4 | **Phương pháp ghi nhật ký tàu** | 3 | | 4.1 | Giới thiệu nhật ký tàu | | 4.2 | Phương pháp ghi nhật ký tàu | | 5 | **Lập kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu** | 6 | | 5.1 | Lập kế hoạch chuyến đi | | 5.2 | Lập phương án và kế hoạch | | 5.3 | Lên kế hoạch kiểm tra | | 5.4 | Chọn tuyến đường | | 5.5 | Thu thập thông tin về tuyến đường | | 5.6 | Tổ chức họp và phân công nhiệm vụ | | 6 | Công tác diễn tập các tình huống khẩn cấp | 2 | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **30** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ thuyền trưởng ngay tại phòng học và trên các tàu huấn luyện. |  |  |